

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- I. Tên gọi, địa chỉ và ngành nghề kinh doanh
- II. Các sự kiện quan trọng
- III. Quá trình phát triển

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- I. Hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2011
- II. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011
- III. Thay đổi thành viên HĐQT và BKS trong năm 2011
- IV. Định hướng phát triển trong năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- I. Báo cáo tình hình tài chính 2011
- II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2011
- III. Các tiến bộ đạt được trong năm 2011
- IV. Kế hoạch phát triển trong năm 2012

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- I. Cơ cấu tổ chức
- II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc
- III. Quyền lợi của Ban giám đốc
- IV. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội Đồng Quản Trị
- II. Ban Kiểm Soát
- III. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- I. Báo cáo của Giám đốc
- II. Báo cáo của Kiểm toán viên
- III. Bảng cân đối kế toán
- IV. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- V. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- VI. Thuyết minh báo cáo tài chính

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

I. TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊ CA VNECO
- Tên Công ty bằng tiếng Anh: ME CA VNECO INVESTMENT AND ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : ME CA VNECO
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp đến 31 tháng 12 năm 2011: 90.075.000.000 đồng
- Địa chỉ : R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Q7, HCM
- Điện thoại : 08.54105273 – Fax: 08.54105274
- Email :
- Website : www.mecavneco.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103002120 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
 - Đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 02 năm 2004
 - Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 30 tháng 12 năm 2010
- Mã số thuế : 0303245217
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở)
 - ✓ Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp-dân dụng
 - ✓ Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)
 - ✓ Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa- quốc tế
 - ✓ Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công-nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
 - ✓ Dịch vụ chuyển giao công nghệ
 - ✓ Xây dựng công trình công nghiệp dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp
 - ✓ Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
 - ✓ Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính- kế toán)

- ✓ Kinh doanh nhà ở
- ✓ Cho thuê văn phòng, kho bãi
- ✓ Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao)
- ✓ Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)

II. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO được thành lập trên cơ sở hợp đồng thành lập giữa ba bên là Công ty Xây Lắp Điện 3 (Nay là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH SANNAM và Ông Vũ Văn Điện. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 4103002120 ngày 26 tháng 02 năm 2004 – Tên gọi: Công ty Cổ phần Điện 3 – vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Đến tháng 6 năm 2007 được đổi tên thành công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO chính thức niêm yết trên sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM từ ngày 02 tháng 04 năm 2010

Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	:VES
Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cp niêm yết	: 9.007.500 cp

III. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mêca VNECO là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm trong ngành xây lắp điện như xây dựng các công trình đường dây điện, trạm biến áp đến 500kv, Gia công và chế tạo cột thép mạ kẽm.
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi.

Năm 2004: Công ty được thành lập với tên gọi là Công Ty Cổ Phần Điện 3 với vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Năm 2007: Công ty đổi tên thành công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện me ca vneco. Vốn điều lệ tăng lên 150.000.000.000 đồng.

Đây là năm đầu tiên công ty tham gia vào thị trường kinh doanh dịch vụ du lịch khách sạn. với việc đầu tư mua mới khách sạn tại địa chỉ: 740C Nguyễn Kiệm - P4 - Phú Nhuận – HCM. Với diện tích xây dựng một trệt bốn lầu: gồm có 25 phòng nghỉ, một nhà hàng, một quầy Bar.

Năm 2008: Công ty đầu tư mua thêm khách sạn mini tại R1-72 Bùi Bằng Đoàn - Hưng phước 1 - Phú Mỹ Hưng - Quận 7 - HCM. Với diện tích 300m2, diện tích xây dựng một trệt, một lửng, bốn lầu: gồm 28 phòng nghỉ, một Nhà hàng, một quầy bar.

Đầu tư mua khu đất tại 277 Bến Bình Đông, P4, Quận 8, HCM để xây dựng khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA. Đến nay đã triển khai được một số hạng mục như: san lấp mặt bằng, khoan cọc nhồi, phòng cháy chữa cháy đang chờ cấp phép xây dựng. với quỹ mô xây dựng hai khối nguyên đơn gồm: 25 tầng chưa kể tầng hầm và sân thượng.

Năm 2010: Tháng 4 năm 2010 công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Để thuận tiện trong việc điều hành và quản lý dự án khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Q8, HCM Công ty chuyển trụ sở chính về địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Tân Phong, Quận 7, HCM.

Năm 2011: Trước những khó khăn của ngành kinh doanh bất động sản, du lịch dịch vụ. Hội đồng quản trị Công ty và Ban giám đốc Công ty xây dựng lại định hướng phát triển ngành nghề phù hợp với tình hình kinh tế: Chú trọng phát triển ngành nghề truyền thống của Công ty, thứ tự ưu tiên phát triển (1) Xây lắp điện (2) Đầu tư bất động sản (3) Kinh doanh dịch vụ du lịch

Qua những năm xây dựng và phát triển công ty đã xây dựng được hình ảnh và thương hiệu trong ngành xây lắp điện và đã có những bản hàng chiến lược cho định hướng phát triển của công ty. Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm

trong công tác thi công xây dựng và lắp đặt các công trình đường dây tải điện, các trạm biến áp. Ưu thế của Công ty là có một đội ngũ nhân viên xây lắp chuyên ngành được đào tạo với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp. Công ty đã và đang hướng đến thị trường xây lắp điện các tỉnh Miền tây và nước láng giềng Campuchia, đây là những thị trường tiềm năng. So với những Công ty xây lắp điện khác thì Công ty Mê ca Vneco được lợi thế về vị trí địa lý, gần với các thị trường tiềm năng.

Hiện nay Mê ca Vneco là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực xây lắp trong Tổng công ty xây dựng điện Việt Nam(VNECO), là đối tác chính của VNECO trong thị trường miền nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I : HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2011

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

Năm 2011 là năm khó khăn chung của nền kinh tế, thị trường bất động sản đóng băng, du lịch dịch vụ giảm sút, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Giá nguyên vật liệu tăng cao và có diễn biến phức tạp khó lường của thị trường thế giới,
- Chi phí hoạt động sản xuất và kinh doanh tăng cao đã làm giảm tính cạnh tranh của công ty với công ty khác,
- Hàng loạt các công trình dự kiến đấu thầu trong năm không thực hiện được
- Lượng khách du lịch giảm đi đáng kể
- Thị trường bất động sản đóng băng

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định:

- Bằng mọi cách phải duy trì và phát triển các thị trường và sản phẩm truyền thống của công ty như đẩy mạnh sản phẩm xây lắp điện tại thị trường Miền Nam
- Nâng cao tính cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, đẩy nhanh tiến độ thi công và tìm mọi cách tiết giảm chi phí sản xuất.
- Tập trung vào các công trình còn dở dang còn vướng mắc giải quyết dứt điểm để quyết toán khối lượng.
- Đề ra những phương án thi công mới phù hợp với tình hình thực tế của ngành xây lắp điện hiện nay.

Với mục tiêu cụ thể được xác định, HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng nỗ lực sản xuất kinh doanh vượt lên những khó khăn thách thức trên để thực hiện công tác quản trị và kinh doanh đạt kết quả:

- Doanh thu và thu nhập khác : 22.764 (triệu đồng)
- Lợi nhuận : -6.893 (triệu đồng)

II: NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2011

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban điều hành để kịp thời đưa ra những định hướng và mục tiêu cụ thể cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành điện nói riêng.

Trước những khó khăn của nền kinh tế, đặc biệt là thị trường bất động sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, HĐQT đã chỉ đạo cho Ban giám đốc công ty phải hoàn tất việc xin cấp giấy phép xây dựng cho dự án khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA.

Ngày 24 tháng 05 năm 2011 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ thường niên năm 2011, tại đại hội thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012 thành viên HĐQT sau khi bầu:

1. Ông: Ngô Văn Cường
2. Ông: Lê Thạch Túy
3. Ông: Lê Chí Dũng

4. Ông: Lâm Quốc Hải

5. Ông: Đoàn Tuấn Anh

III: THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS TRONG NĂM 2011

Hội đồng Quản trị

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Ông Đoàn Đức Hồng | Chủ tịch – Miễn nhiệm 24/05/2011 |
| - Ông Nguyễn Thành Đồng | Ủy viên – Miễn nhiệm 24/05/2011 |
| - Ông Ngô Văn Cường | Chủ tịch – Bỏ nhiệm 24/05/2011 |
| - Ông Lê Chí Dũng | Ủy viên – Bỏ nhiệm 24/05/2011 |
| - Ông Lê Thạch Túy | Ủy viên |
| - Ông Lâm Quốc Hải | Ủy viên |
| - Ông Đoàn Tuấn Anh | Ủy viên |

Ban kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Hồ Văn Quang | Trưởng ban |
| - Ông Võ Thành Lương | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Văn Quảng | Ủy viên |

IV: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2012

Nhận định kinh tế vĩ mô còn khó khăn trong năm 2012 và những năm tới. Hội đồng quản trị nhất trí xác định thứ tự ưu tiên phát triển ngành nghề trong giai đoạn một vài năm sắp tới là: (1) Xây lắp điện; (2) Đầu tư bất động sản; (3) Kinh doanh dịch vụ du lịch.

(1) Xây lắp điện

Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình còn dở dang để quyết toán khối lượng.

Dự kiến trúng thầu một số công trình: DZ 500Kv Pleiku – Mỹ Phước – Cầu Bông;
CT: Đz đầu nối 220k và 110kv TBA Sông Mây

(2) Đầu tư bất động sản

Tiếp tục triển khai dự án khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại địa chỉ 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp.HCM

(3) Kinh doanh dịch vụ du lịch

Hiện tại công ty đang khai thác 2 khách sạn đạt tiêu chuẩn sao tại

Khách sạn Xanh Sài Gòn tại 740C Nguyễn Kiệm, P4, Quận Phú Nhuận, HCM

Khách sạn Mêca Vneco tại R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, PMH, Q7, HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**I: BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Đvt: VNĐ**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.421.910.674	25.877.134.750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.493.052.639	2.684.381.074
1. Tiền	111		1.493.052.639	2.684.381.074
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.547.384.039	14.228.794.383
1. Phải thu khách hàng	131		9.559.454.102	11.366.463.293
2. Phải trả cho người bán	132		1370.313.401	4.388.057.470
5. Các khoản phải thu khác	135		16.772.787.997	5.016.671.067
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.155.171.461)	(6.542.397.447)
IV. Hàng tồn kho	140		43.779.299	1.677.524.731
1. Hàng tồn kho	141		43.779.299	1.677.524.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.337.694.697	7.286.434.562
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.337.694.697	7.286.434.562
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.926.881.131	187.149.185.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.101.627	27.101.627
4. Phải thu dài hạn khác	218		27.101.627	27.101.627
II. Tài sản cố định	220		175.171.927.504	167.262.359.982
1. Tài sản cố định hữu hình	221		18.532.202.638	18.028.849.782
Nguyên giá	222		20.483.516.584	19.411.034.765
Gía trị hao mòn lũy kế	223		(1.951.313.946)	(1.382.184.983)
3. Tài sản cố định vô hình	227		58.695.390.000	58.695.390.000
Nguyên giá	228		58.695.390.000	58.695.390.000

Báo cáo thường niên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Trang 10

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

Gía trị hao mòn lũy kế	229			0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		97.944.334.866	90.538.120.200
III. Bất động sản đầu tư	240			0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		727.852.000	19.532.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252			18.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.915.400.000	1.915.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.187.548.000)	(383.080.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	327.403.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	327.403.980
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.348.791.805	213.026.320.339
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		110.943.025.543	111.727.252.405
I. Nợ ngắn hạn	310		47.768.917.583	111.727.252.405
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			14.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.828.767.032	41.909.246.213
3. Người mua trả tiền trước	313		2.417.792.285	9.364.166.176
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		31.325.535	691.742.142
5. Phải trả người lao động	315		249.436.000	259.420.901
6. Chi phí phải trả	316		214.973.722	1.713.745.432
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		963.720.671	1.198.862.536
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.062.902.338	1.187.402.338
II. Nợ dài hạn	330		63.174.107.960	41.402.666.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.405.766.262	101.299.067.934
I. Vốn chủ sở hữu	410		94.405.766.262	101.299.067.934
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.075.000.000	90.075.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.161.453.222	1.161.453.222

Báo cáo thường niên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976.705.862	976.705.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.192.607.178	9.085.908.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.348.791.805	213.026.320.339

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đvt: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			22.680.013.236	23.112.884.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				0
3. DT thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ			22.680.013.236	23.112.884.147
4. Giá vốn hàng bán			20.475.096.942	26.639.511.542
5. LNG về bán hàng và cung cấp dịch vụ			2.204.916.294	(3.526.627.395)
6. Doanh thu hoạt động tài chính			84.856.483	135.551.534
7. Chi phí hoạt động tài chính			6.406.703.760	484.5483.030
Trong đó: Chi phí lãi vay			2.902.235.760	101.468.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp			2.664.041.342	8.802.699.693
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh			(6.780.972.325)	(12.678.323.584)
11. Thu nhập khác				24.104.575.203
12. Chi phí khác			112.329.347	16.113.859.552
13. Lợi nhuận khác			(112.329.347)	7.990.715.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành				0
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(765,28)	(520,41)

Báo cáo thường niên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Trang 12

II: CÁC TIỀN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Về cơ cấu tổ chức và nhân sự: Trong năm tình hình nhân sự ổn định, không có sự thay đổi nhân sự cấp cao.

Về vốn hoạt động: Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Vốn cho hoạt động sản xuất hạn chế, vốn cho đầu tư xây dựng dự án không thể huy động các dự án đầu tư không triển khai được Meca Vneco đã gặp rất nhiều khó khăn và kết quả kinh doanh năm 2011 phát sinh âm.

Thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh: Trước những khó khăn hiện tại và một vài năm tới Công ty Meca đã triển khai mạnh mẽ phương thức sản xuất mới, thứ tự ưu tiên trong lĩnh vực ngành nghề đầu tư nhằm đưa lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1. Cơ sở :

- Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2011.
- Nhu cầu của ngành.
- Tình hình thực tế về khả năng phát triển của Công ty.
- Các nhân tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Tình hình kinh tế trong nước.

2. Phương hướng và mục tiêu năm 2012:

a. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

- Xây lắp điện vẫn là ngành truyền thống và mũi nhọn.
- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các công trình xây lắp điện.
- Khai thác hiệu quả của khối kinh doanh khách sạn du lịch.
- Xây dựng một mô hình quản lý phù hợp, năng động nhằm phát triển hơn nữa tiềm lực của công ty phù hợp với đặc thù của ngành.

b. Hoạt động Đầu tư:

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định của Dự án khu căn hộ cao cấp VNECO-PLAZA tại địa chỉ: 277 Bến Bình Đông, Q8, HCM để triển khai đầu tư xây dựng hoặc chuyển giao.

c. Công tác nhân sự:

- Đào tạo và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên.
- Củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Phát huy khả năng độc lập và sáng tạo của tất cả cán bộ công nhân viên.
- Đoàn kết phát huy sức mạnh tập thể

d. Chính sách lương thưởng phúc lợi:

- Đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công nhân viên với mức thu nhập bằng và cao hơn năm 2011
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động: BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác.
- Tạo mọi điều kiện để cán bộ công nhân viên an tâm công tác.

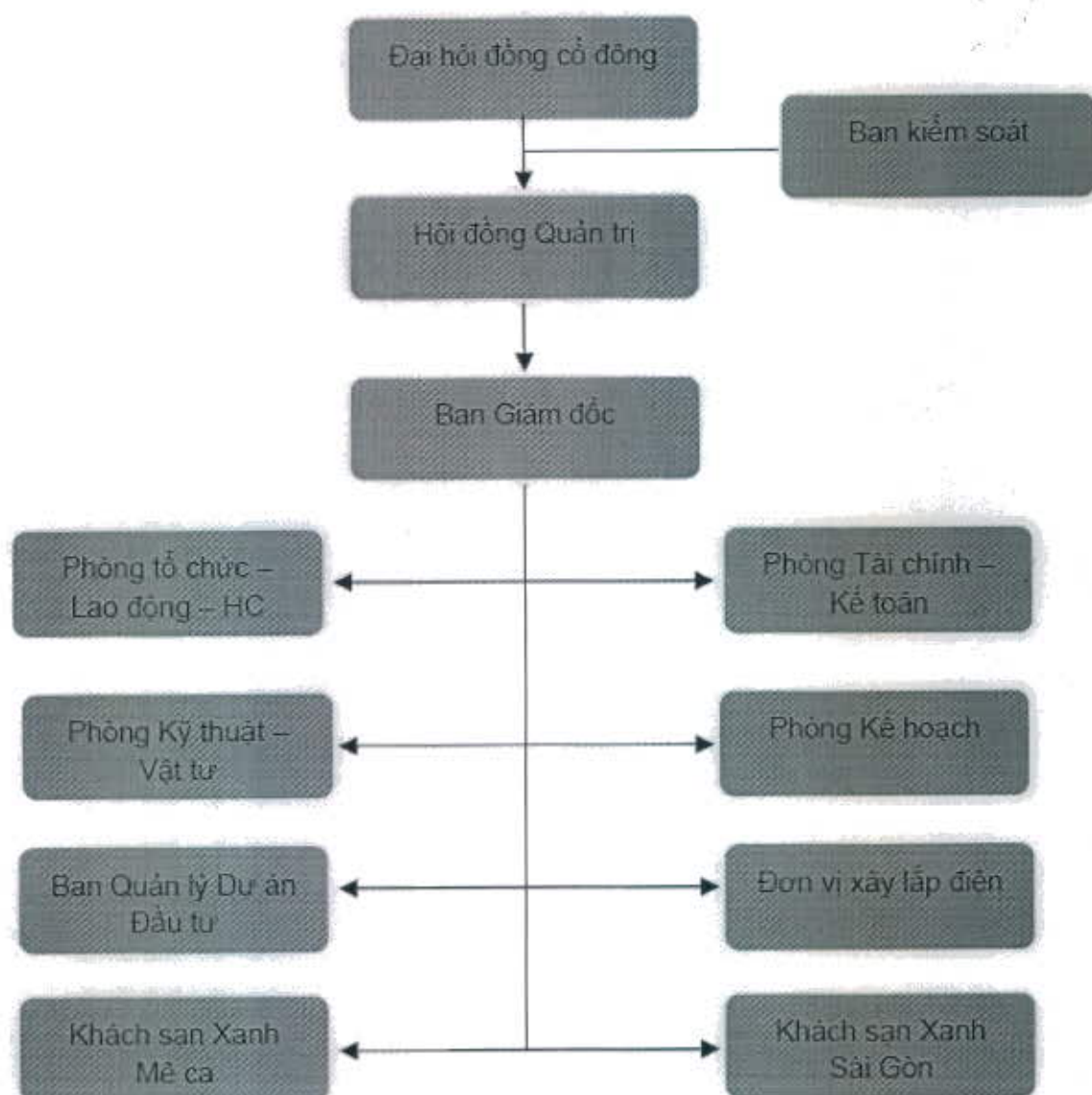
e. Chỉ tiêu kinh tế kế hoạch SXKD năm 2012:

đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012
1	Doanh thu, thu nhập khác	22.764	37.623
2	Lợi nhuận	(6.893)	3.010
3	Cổ tức(%)	0	3,3%
4	Vốn thực góp	90.075	90.075

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC



II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN GIÁM ĐỐC

1. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Họ và tên : **LÂM QUỐC HẢI**

Số CMND : 024436152, cấp ngày 08/08/2005 tại Tp.HCM

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 07/06/1960

Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Huế

Địa chỉ thường trú : 12/1KP2, P.Tân Thuận Đông, Q7, HCM

Số điện thoại : 083.9975154

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác:

1983-1989: Dạy học Tại Thành Phố Đà Nẵng

1989-1996: Làm việc tại công ty Xây lắp điện 3, Bộ Năng Lượng 1996-2008

Làm việc tại ban QL DA Nhiệt Điện 3, Tập đoàn điện lực Việt Nam

2008- đến nay: Làm việc tại Công ty CPĐT Và XD Điện Mêca Vneco

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0%.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Họ và tên : NGUYỄN VĂN NHẠ
Số CMND : 197228092, cấp ngày 17/03/2006 tại Quảng Trị
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 08/04/1964
Nơi sinh : An Phú, Kim Môn, Hải Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Phú, Kim Môn, Hải Dương
Địa chỉ thường trú : Đông Hà, Quảng Trị
Số điện thoại : 08.3997 5154
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
2003 - 2005: Phó Giám đốc Công ty Vneco 5
2006 - 2007: Giám đốc Công ty cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm Mêca Vneco
2008 – Nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0%
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên : ĐOÀN TUẤN ANH

Số CMND : 201547294, cấp ngày 12/10/2004 tại Đà Nẵng

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 18/11/1967

Nơi sinh : Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình

Địa chỉ thường trú : P244, CC 47-57 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái

Bình TP.HCM

Số điện thoại : 08.3997 5155

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại Học Tài Chính - Kế Toán

Quá trình công tác:

1990 – 1999: Cán bộ phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

1999 – 2004: Phó Kế toán trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (Nha Trang - Khánh Hoà)

2004 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mê ca Vneco

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 5.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0.22%

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

III. QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Mêca VNECO có chính sách tiền lương tốt nhất cho Ban giám đốc và một số cán bộ quản lý, thưởng theo thành tích công việc, cấp xe công vụ ...

IV. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trải qua những năm hoạt động đội ngũ CBCNV hiện nay đã được đào tạo bài bản, có kỹ năng làm việc, tinh thần cầu tiến và tính kỷ luật cao. Lực lượng lao động Công ty được phân chia thành các cấp như: Lãnh đạo cấp cao, Cán bộ kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành ...

Tính đến thời điểm 31/12/2011 tổng số CBCNV của toàn Công ty là

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng(%)
Phân theo trình độ lao động	20	100%
Đại học	10	50
Cao đẳng, trung cấp	6	30
Công nhân kỹ thuật	4	20

Chế độ làm việc:

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc thoáng mát, khang trang. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Lao động trực tiếp trong lĩnh vực xây dựng điện, kinh doanh khách sạn làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm, lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.

Chính sách đào tạo và tuyển dụng:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên chủ chốt để đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

❖ **Tuyển dụng**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuỳ theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chí bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

❖ **Chính sách thu hút nhân tài**

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi :

❖ **Chính sách lương**

Tiền lương thỏa thuận hoặc lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Giám đốc phê duyệt.
- Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền

lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các đơn vị sản xuất của Công ty hưởng lương theo quy chế khoán theo sản phẩm, doanh thu áp dụng đối với công nhân xây dựng điện và nhân viên trực tiếp khách sạn căn cứ vào mức độ hoàn thành khối lượng, doanh thu, chất lượng công việc và tiết kiệm chi phí. Đối với lao động thuê ngoài căn cứ vào khối lượng, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc.

❖ Chính sách thưởng

Công ty thưởng thêm cho các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu của Công ty như: có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng kiến tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu. Quỹ khen thưởng phúc lợi được lãnh đạo Công ty và Công đoàn tham gia quản lý.

❖ Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật

THÔNG TIN QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ngô Văn Cường	1975		Chủ tịch
2	Lê Thạch Túy	1967	200873492	Thành viên
3	Lê Chí Dũng	1968	Lê Chí Dũng	Thành viên
4	Lâm Quốc Hải	1960	024436152	Thành viên
5	Đoàn Tuấn Anh	1967	201547294	Thành viên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.	Họ và tên:	Ngô Văn Cường
2.	Số CMND:	
3.	Giới tính:	Nam
4.	Ngày tháng năm sinh:	30/05/1975
5.	Nơi sinh:	Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang
6.	Quốc tịch:	Việt Nam
7.	Dân tộc:	Kinh
8.	Quê quán:	Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang
9.	Địa chỉ thường trú:	Tổ 50, P.An Khê, Q.Thanh Khê, Tp.HCM
10.	Số điện thoại cơ quan:	0511 562361
11.	Trình độ văn hoá:	12/12
12.	Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ hệ thống điện

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

13. Quá trình công tác:	
8/1997-6/1999	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
7/1999-11/2002	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2002-11/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2005-9/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Tổng Công ty CP Xây Dựng Điện Việt Nam
Từ 10/2009 đến nay	Phó tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Xây Dựng Điện Việt Nam
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	Không
17. Số cổ phần đại diện cho VNECO:	
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ và tên	Lê Chí Dũng
2. Số CMND:	200914440
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	04/08/1968

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

5. Nơi sinh:	Phú Mỹ - Phú Hiệp – Thừa Thiên Huế
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Phú Mỹ - Phú Hiệp – Thừa Thiên Huế
9. Địa chỉ thường trú:	126 Trần Phú – Thành phố Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	0511-8562361
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Đại học ngành Tài chính – Kế toán
13. Quá trình công tác:	Từ tháng 10/1992 đến nay công tác tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành Viên Hội đồng quản trị
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	CP
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	0CP
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo thường niên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

01. Họ và tên:	Lê Thạch Túy
02. Số CMND:	200.873.492
03. Giới tính:	Nam
04. Ngày tháng năm sinh:	04/09/1967
05. Nơi sinh:	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng
06. Quốc tịch:	Việt Nam
07. Dân tộc:	Kinh
08. Quê quán:	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng
09. Địa chỉ thường trú:	173 Hà Huy Tập, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	0511.3562367
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
13. Quá trình công tác:	
Từ 02-1986 đến 07-1989	Từ 02-1986 đến 07-1989
Từ 09-1990 đến 06-1995	Sinh viên Trường Đại học bách khoa Đà Nẵng
Từ 07-1996 đến 10-1998	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 11-1998 đến 03-1999	Nhân viên Phòng Kinh tế đấu thầu – Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 04-1999 đến 05-2002	Phó Văn phòng – Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 06-2002 đến 09-2009	Phó phòng Kinh tế Đối ngoại – Công ty Xây lắp Điện 3

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

Từ 09-2002 đến 04-2003	Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại – Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 02-2003 đến 03-2004	Trưởng phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu – Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 04-2004 đến 12-2005	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp Điện 3
Từ 01-2006 đến nay	Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành Viên Hội đồng quản trị
13. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
14. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	50.000 CP
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0.56%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	0 CP
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ và tên:	Lâm Quốc Hải
2. Số CMND:	024436152
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	07/06/1960
5. Nơi sinh:	Hải Dương

Báo cáo thường niên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Huế
9. Địa chỉ thường trú:	12/1KP2, P.Tân Thuận Đông, Q7, HCM
10. Số điện thoại cơ quan:	083.9975154
11. Trình độ văn hoá:	10/10
12. Trình độ chuyên môn:	Đại học
13. Quá trình công tác:	
1983-1989	Dạy học Tại Thành Phố Đà Nẵng
1989-1996	Làm việc tại công ty Xây lắp điện 3, Bộ Năng Lượng
1996-2008	Làm việc tại ban QL DA Nhiệt Điện 3, Tập đoàn điện lực Việt Nam
2008- đến nay	Làm việc tại Công ty CPĐT Và XD Điện Mêca Vneco
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	0 cổ phần
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người	Không

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

liên quan:	
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ và tên:	Đoàn Tuấn Anh
2. Số CMND:	201547294
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	18/11/1967
5. Nơi sinh:	Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình
6. Quốc Tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình
9. Địa chỉ thường trú:	P244, CC 47-57 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, TP.HCM
10. Số điện thoại cơ quan:	08.3997 5155
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Đại Học Tài Chính – Kế Toán
13. Quá trình công tác:	
1990 – 1999	Cán bộ phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

1999 – 2004	Phó Kế toán trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (Nha Trang – Khánh Hoà)
2004 – Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mê ca Vneco (Phú Nhuận – Tp. HCM)
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	5.000 cổ phần
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0.22%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4. BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Hồ Văn Quang	01/09/1963	201340940	Trưởng ban
2	Nguyễn Văn Quảng	26/03/1965	201532219	Thành viên
3	Võ Thành Lương	18/04/1974	181985963	Thành viên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên:	Hồ Văn Quang
---------------	--------------

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

2. Số CMND:	201340940
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	01/09/1963
5. Nơi sinh:	Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an.
6. Quốc Tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an.
9. Địa chỉ thường trú:	K54/25 Đường Hoàng Văn Thái , Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	0511.3562367
11. Trình độ văn hoá:	10/10
12. Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:	
+ Từ 1984 – 1987	Công tác tại Công ty xây lắp đường dây và trạm V
+ Từ 1988 – 2005	Công tác tại Công ty xây lắp điện 3
+ Từ 2005 – nay	Chánh văn phòng – Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam .
+ Từ 01/04 /2008 – nay	Trưởng ban Kiểm soát Công Ty Cổ Phần Đầu tư & Xây Dựng Điện Mê ca VNECO,
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Trưởng Ban kiểm soát
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	5.000CP
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0,06%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên:	Nguyễn Văn Quảng
2. Số CMND:	201532219
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	26/03/1965
5. Nơi sinh:	Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
9. Địa chỉ thường trú:	Tổ 60, Phường Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	0511.3562367
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế và Quản lý Doanh nghiệp

13. Quá trình công tác:	
+ Từ 1984-1987	Phòng tham mưu, sư đoàn 341, Quân khu IV
+ Từ 1987-2005	Chuyên viên, Phó phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo Công ty Xây Lắp Điện 3
+ Từ 2005 – nay	Phó phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo Tổng Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện Việt Nam
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành viên ban kiểm soát
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	không
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0,0%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên:	Võ Thành Lương
2. Số CMND:	181985963
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	18/04/1974
5. Nơi sinh:	Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An
6. Quốc Tịch:	Việt Nam

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO – MCK: VES

7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An
9. Địa chỉ thường trú:	Tổ 32, Tân Chính, Thanh Khê, Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	05113.562366
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Cử nhân QTKD
13. Quá trình công tác:	
Năm 2000 - năm 2002	Công tác tại phòng Kế hoạch Tổng công ty CP XD Điện Việt Nam
Năm 2002 đến nay	Công tác tại phòng Tài chính kế toán, Tổng công ty CP XD Điện Việt Nam
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành viên Ban kiểm soát
15. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
16. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	5.000 cổ phần
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0.06%
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
19. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
20. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

III. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

- Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là Cổ phiếu phổ thông
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 9.007.500 cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu) trong đó
 - * / Tổng Công ty Cổ Phần Xây Dựng Điện Việt Nam: 6.310.000 cổ phiếu
 - * / Các cổ đông khác: 2.697.500 cổ phiếu
- Tổng số cổ đông : 685 cổ đông trong đó
 - * / Tổ chức : 5 tổ chức là cổ đông trong nước
: 1 tổ chức là cổ đông nước ngoài
 - * / Cá nhân : 677 cá nhân là cổ đông trong nước
: 2 cá nhân là cổ đông nước ngoài

Nơi nhận:

- UBCK NN
- SGDCK TP.HCM
- Lưu VP – Công ty

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2012

CTY CP ĐT VÀ XD ĐIỆN MÊCA VNECO



LÂM QUỐC HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- I. Báo cáo của Ban giám đốc
- II. Báo cáo của Kiểm toán viên
- III. Bảng cân đối kế toán
- IV. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- V. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- VI. Thuyết minh báo cáo tài chính

Mục lục

Trang

Báo cáo của Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4

Báo cáo tài chính

5 - 6

Bảng cân đối kế toán

7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9 - 22

Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 4 năm 2006 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000 đ** (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

2. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2011 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Ngô Văn Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/5/2011
Ông Lê Thạch Túy	Thành viên	
Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên	
Ông Đoàn Tuấn Anh	Thành viên	

Ban giám đốc

Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhạ	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Tuấn Anh	Kế toán trưởng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



Lâm Quốc Hải



Số: 110660/BCKT- AISHN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email : aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 03/02/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2012

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

(Signature)

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.421.910.674	25.877.134.750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.493.052.639	2.684.381.074
1. Tiền	111	V.1	1.493.052.639	2.684.381.074
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.547.384.039	14.228.794.383
1. Phải thu khách hàng	131		9.559.454.102	11.366.463.293
2. Trả trước cho người bán	132		1.370.313.401	4.388.057.470
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.772.787.997	5.016.671.067
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.155.171.461)	(6.542.397.447)
IV. Hàng tồn kho	140		43.779.299	1.677.524.731
1. Hàng tồn kho	141	V.4	43.779.299	1.677.524.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.337.694.697	7.286.434.562
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.337.694.697	7.286.434.562
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.926.881.131	187.149.185.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.101.627	27.101.627
4. Phải thu dài hạn khác	218		27.101.627	27.101.627
II. Tài sản cố định	220		175.171.927.504	167.262.359.982
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.532.202.638	18.028.849.782
Nguyên giá	222		20.483.516.584	19.411.034.765
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.951.313.946)	(1.382.184.983)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	58.695.390.000	58.695.390.000
Nguyên giá	228		58.695.390.000	58.695.390.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	97.944.334.866	90.538.120.200
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		727.852.000	19.532.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	18.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.915.400.000	1.915.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.187.548.000)	(383.080.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	327.403.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	327.403.980
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.348.791.805	213.026.320.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		110.943.025.543	111.727.252.405
I. Nợ ngắn hạn	310		47.768.917.583	70.324.585.738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	14.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.828.767.032	41.909.246.213
3. Người mua trả tiền trước	313		2.417.792.285	9.364.166.176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	31.325.535	691.742.142
5. Phải trả người lao động	315		249.436.000	259.420.901
6. Chi phí phải trả	316	V.17	214.973.722	1.713.745.432
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	963.720.671	1.198.862.536
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.062.902.338	1.187.402.338
II. Nợ dài hạn	330		63.174.107.960	41.402.666.667
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	63.174.107.960	41.402.666.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.405.766.262	101.299.067.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	94.405.766.262	101.299.067.934
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.075.000.000	90.075.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.161.453.222	1.161.453.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976.705.862	976.705.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.192.607.178	9.085.908.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.348.791.805	213.026.320.339

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại				
- EURO			0,00	64,84
- USD			411,42	410,15

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	22.680.013.236	23.112.884.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	22.680.013.236	23.112.884.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	20.475.096.942	26.639.511.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.204.916.294	(3.526.627.395)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	84.856.483	135.551.534
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	6.406.703.760	484.548.030
- Trong đó: Chi phí lãi vay.	23		2.902.235.760	101.468.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.664.041.342	8.802.699.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.780.972.325)	(12.678.323.584)
11. Thu nhập khác	31		0	24.104.575.203
12. Chi phí khác	32		112.329.347	16.113.859.552
13. Lợi nhuận khác	40		(112.329.347)	7.990.715.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(765,28)	(520,41)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đoàn Tuấn Anh

Giám đốc



Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	26.654.890.206	27.781.553.741
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.910.647.368)	(20.827.016.146)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.605.306.671)	(2.735.161.758)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(165.069.054)	(101.468.030)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(607.669.143)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	508.299.445	42.203.128.263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(731.416.754)	(6.122.638.105)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.143.080.661	39.198.397.965
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(80.000.000)	(5.158.937.732)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.856.483	79.797.869
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.856.483	(5.079.139.863)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.800.000.000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.139.265.579)	(35.000.000.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.339.265.579)	(35.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.191.328.435)	(830.741.898)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.684.381.074	3.565.122.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	1.493.052.639	2.684.381.074

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc




Đoàn Tuấn Anh



Lâm Quốc Hải

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bui Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: 150.000.000.000 đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2011, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là 90.075.000.000 đ, cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

1- Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm: xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh cho thuê nhà, kinh doanh du lịch, khách sạn.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu giữa Công ty và khách hàng, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính theo quy định

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán dồn tích, tuân thủ đầy đủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công): được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho hoạt động kinh doanh lĩnh vực truyền tải điện.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khách sạn là 10%.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Tiền mặt tại quỹ	200.927.903	73.481.848
Tiền gửi ngân hàng	1.292.124.736	2.610.899.226
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam) (*)	1.283.472.573	2.601.139.649
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (**)	8.652.163	9.759.577
Cộng	1.493.052.639	2.684.381.074

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam:

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	3.823.826	447.283.425
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	1.155.231.183	941.550.789
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	8.591.151	849.399.222
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 - TP Hồ Chí Minh	865.683	1.823.899
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Tín- Phòng giao dịch Trần Quang Khải	5.512.735	322.894.290
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây - Chi nhánh Hồ Chí Minh	725.422	0
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	108.722.573	38.188.024
Cộng	1.283.472.573	2.601.139.649

(**) Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

	31/12/2011		01/01/2011	
	Nguyên tệ	đ	Nguyên tệ	đ
Tiền gửi USD	411,42	8.652.163	410,15	7.985.620
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	207,69	4.367.721	207,45	4.039.051
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	203,73	4.284.442	202,70	3.946.569
Tiền gửi EURO	0	0	64,84	1.773.957
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	0	0	64,84	1.773.957
Tổng cộng		8.652.163		9.759.577

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn tiền lãi vay ngân hàng MÊCA trả hộ (*)	4.037.311.951	3.998.180.001
Phải thu khác Công ty TNHH Hải Vân Sơn (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thành Long (**)	11.700.000.000	0
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500
Kinh phí công đoàn	17.646.271	2.561.271
Phải thu khác	7.670.275	5.770.295
Cộng	16.772.787.997	5.016.671.067

- (*) Ngày 24/12/2008, Công ty TNHH Hải Vân Sơn ký hợp đồng mua Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C đường Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO với giá trị chuyển nhượng là **21.700.000.000 đ** sau đó mang tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng thông qua hợp đồng bảo lãnh của MÊCA (chưa làm thủ tục sang tên cho Hải Vân Sơn do đang trong quá trình thanh toán) để bảo lãnh cho Hải Vân Sơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh số tiền **14.000.000.000 đ**, Hải Vân Sơn đã chuyển cho MÊCA **13.000.000.000 đ** từ khoản vay này. Tới thời điểm trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng thì Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán nên Ngân hàng đã yêu cầu MÊCA phải trả nợ thay Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết và Công ty đã buộc phải thực hiện theo yêu cầu này.

Tại thời điểm 31/12/2011, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO vẫn chưa có văn bản đưa ra hướng xử lý cho việc thực hiện tranh chấp hợp đồng này cũng như những khoản nợ phát sinh từ giao dịch mua bán, bảo lãnh thế chấp vay với Công ty TNHH Hải Vân Sơn.

- (**) Đây là khoản phải thu do Công ty thoái vốn tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co (Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000 đ/cổ phần**); đơn giá chuyển nhượng là **8.500 đ/cổ phần**. Cho tới thời điểm 31/12/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền **3.600.000.000 đ**).

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Nguyên liệu, vật liệu	43.779.299	43.779.299
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	1.633.745.432
Cộng	43.779.299	1.677.524.731

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Tại 01/01/2011	18.515.338.724	661.464.248	0	234.231.793	19.411.034.765
Tăng do mua sắm	0	33.900.000	1.038.581.819	0	1.072.481.819
Tại 31/12/2011	18.515.338.724	695.364.248	1.038.581.819	234.231.793	20.483.516.584
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2011	1.183.128.609	125.444.142	0	73.612.232	1.382.184.983
Khấu hao trong năm	411.451.972	59.173.750	72.123.737	26.379.504	569.128.963
Tại 31/12/2011	1.594.580.581	184.617.892	72.123.737	99.991.736	1.951.313.946
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2011	17.332.210.115	536.020.106	0	160.619.561	18.028.849.782
Tại 31/12/2011	16.920.758.143	510.746.356	966.458.082	134.240.057	18.532.202.638

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đ.

- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm dùng để cầm cố, thế chấp khoản vay là 966.458.082 đ.

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2011	0	0	0
Tại 31/12/2011	0	0	0
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2011	58.695.390.000	0	58.695.390.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Dự án 277 Bến Bình Đông	97.944.334.866	90.538.120.200
Cộng	97.944.334.866	90.538.120.200

Đây là dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Dự án có tổng mức đầu tư là 498.000.000.000 đồng xây dựng trên diện tích đất 5.465,4 m² bao gồm 02 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Hiện nay dự án mới trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị đ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị đ
Công ty Cổ phần Sông Ba	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000
Cộng	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	0	327.403.980.
Cộng	0	327.403.980

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Vay dài hạn đến hạn trả	0	14.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh 9, Tp.HCM	0	14.000.000.000
Cộng	0	14.000.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	25.555.240	78.302.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	607.669.143
Thuế thu nhập cá nhân	5.770.295	5.770.295
Cộng	31.325.535	691.742.142

17. Chi phí phải trả

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Lãi vay phải trả	0	80.000.000
Trích trước chi phí công trình	214.973.722	1.633.745.432
Cộng	214.973.722	1.713.745.432

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	0	24.706.151
Phải trả Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	30.590.200	349.428.914
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.000.000	8.000.000
Các khoản phải trả khác	927.130.471	816.727.471
Cộng	963.720.671	1.198.862.536

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Hồ Chí Minh	554.100.000	0
Vay Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (*)	62.620.007.960	41.402.666.667
Cộng	63.174.107.960	41.402.666.667

(*) Đây là khoản tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho vay để trả nợ ngân hàng và tăng vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

Đơn vị tính: đ						
TT	Số dư Nợ vay	Ngày phát sinh	Gốc vay	Lãi Quý IV (20,5%/năm)	Gốc và lãi 31/12/2011	Vay dài hạn đến hạn trả 31/01/2012
1	Khoản vay Đầu tư Bến Bình Đông	12/2010	41.000.000.000	2.147.944.444	43.147.944.444	43.147.944.444
2	Vay kinh doanh	23/3/2011	14.000.000.000	727.277.817	14.522.953.299	14.522.953.299
3	Tiền lãi vay				4.949.110.217	4.949.110.217
Cộng			55.000.000.000	2.875.222.261	62.620.007.960	62.620.007.960

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ						
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	90.075.000.000	338.453.222	153.705.862	17.065.516.783	107.632.675.867	
Tăng khác	0	823.000.000	823.000.000	0	1.646.000.000	
Giảm khác	0	0	0	(3.292.000.000)	(3.292.000.000)	
Lỗi trong năm trước	0	0	0	(4.687.607.933)	(4.687.607.933)	
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	9.085.908.850	101.299.067.934	
Lỗi trong năm nay	0	0	0	(6.893.301.672)	(6.893.301.672)	
Số dư cuối năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	2.192.607.178	94.405.766.262	

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	63.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.975.000.000	26.975.000.000
Cộng	90.075.000.000	90.075.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp đầu năm	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	1.161.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	976.705.862

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.680.013.236	23.112.884.147
Trong đó:		
Doanh thu xây lắp	21.329.255.661	21.106.551.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.350.757.575	2.006.332.273

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	0	0
Giá vốn xây lắp	19.692.079.751	24.058.860.955
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	783.017.191	2.580.650.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Cộng	20.475.096.942	26.639.511.542

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.817.483	80.437.534
Lãi kinh doanh chứng khoán	67.039.000	55.114.000
Cộng	84.856.483	135.551.534

30. Chi phí tài chính

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí lãi tiền vay	2.902.235.760	101.468.030
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.700.000.000	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán	804.468.000	383.080.000
Cộng	6.406.703.760	484.548.030

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.088.546.518	17.404.112.792
Chi phí nhân công	2.572.568.539	2.293.005.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.128.963	486.213.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.313.633.525	1.504.855.963
Chi phí khác bằng tiền	1.387.873.243	8.242.584.643
Cộng	21.931.750.788	29.930.773.231

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.893.301.672)	(4.687.607.933)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(765,28)	(520,41)

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3- Thông tin về bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

- a. **Giao dịch với Công ty mẹ:** Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty; chiếm 70,05% vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2011. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh - Thanh Khê - Đà Nẵng. Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm:

- Nhận vật tư (sắt, thép, bulông, kẽm thời...) phục vụ các hoạt động gia công cột thép, xây lắp đường dây theo các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty mẹ và Công ty;
- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; nhận vốn bằng tiền do Công ty mẹ cấp (ứng vốn) để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty mẹ và Công ty đồng thời quyết toán khối lượng xây lắp, gia công hoàn thành và thanh toán công nợ với Công ty mẹ;

Công nợ giữa Công ty với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) tại ngày 31/12/2011 như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: đ

TT	Nội dung	01/01/2011 (đ)	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2011 (đ)
Tổng VNECO trả tiền trước cho MÊCA thi công công trình điện					
1	Vốn ứng trước thi công	3.831.197.723	24.795.812.725	27.361.316.129	1.265.694.319
MÊCA phải trả Tổng VNECO do mua vật tư					
1	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	37.280.412.585	0	0	37.280.412.585
MÊCA phải trả khác VNECO					
1	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền sửa chữa công trình, tiền vay mượn tạm thời	515.864.414	165.478.500	650.752.714	30.590.200
2	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền thu xếp tín dụng	41.402.666.667	24.142.708.372	2.925.367.079	62.620.007.960
MÊCA phải thu khác VNECO					
1	Tổng VNECO phải trả tiền MÊCA chi hộ kinh phí đền bù	166.435.500	38.396.500	204.832.000	0
2	MÊCA báo nợ tiền phòng khách sạn Tổng VNECO	0	260.873.000	260.873.000	0

b. Giao dịch với Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co

Năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO góp vốn liên doanh 18.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co có trụ sở tại Lô B1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.800.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là 8.500 đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 31/12/2011, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho Công ty tổng số tiền 3.600.000.000 đồng.

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 và số liệu tài chính năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Tuy nhiên, số liệu một số chỉ tiêu mà Công ty đang trình bày trong Báo cáo tài chính này đã được phân loại lại so với số liệu trong Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2010 theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán	Số liệu đầu kỳ của Báo cáo tài chính năm 2011	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
I	Nguồn vốn				0
1	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	42.601.529.203	1.188.862.536	(41.402.666.667)
2	Vay và nợ dài hạn	334	0	41.402.666.667	41.402.666.667

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Báo cáo tài chính năm 2010 phản ánh khoản tiền vay từ Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) trên chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" giá trị khoản vay này là 41.402.666.667 đồng. Để phản ánh đúng chỉ tiêu của các khoản "Vay và nợ dài hạn" và khoản "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" nên số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2011 đã được phân loại lại.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Đoàn Tuấn Anh

Giám đốc



Lâm Quốc Hải